

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1985; căn cước số: 046185000638; địa chỉ: thôn M, xã P, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 046083000514; địa chỉ: thôn M, xã P, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Văn C và chị Nguyễn Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn C và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Huỳnh Văn C và chị Nguyễn Thị D có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Khánh V, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Huỳnh Phúc Trung K, sinh ngày 12/01/2015.

Chị Nguyễn Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Thị Khánh V và cháu Huỳnh Phúc Trung K cho đến khi các cháu V và K lần lượt thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh Văn C không cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn C và chị Nguyễn Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Huỳnh Văn C và chị Nguyễn Thị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Huỳnh Văn C và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị D tự nguyện nộp thay án phí cho anh C. Như vậy chị D phải nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000453 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. H lại cho chị D số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - TAND thành phố Huế;
 - VKSND Khu vực 1 – Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - UBND xã Phú Vang
- (ĐKKH số: 23, ngày 21/6/2010,
UBND xã Vinh Thái cũ);
- Lưu: HSVA, AV.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến